

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIÊN HÙNG**

Số: *KHS-COM-OD40/2020*
V/v công bố giải trình báo cáo tài chính hợp
nhất quý III năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

- Mã chứng khoán: KHS
 - Địa chỉ: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Trượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
 - Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988
 - E-mail: info@kihuseavn.com
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**
- Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2020

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/10/2020 tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

*Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm
2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người UQ CBTT**



Nguyễn Ngọc Anh

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 09/2020/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
BCTC hợp nhất Quý 3/2020

Kiên Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2020, chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 3 năm 2020 và Quý 3 năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 3/2020	Quý 3/2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	295,076,759,650	282,019,300,677	13,057,458,973	4.63
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4,091,242,110	286,267,154	3,804,974,956	1,329.17
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	290,985,517,540	281,733,033,523	9,252,484,017	3.28
4. Giá vốn hàng bán	11	268,462,591,342	259,171,544,941	9,291,046,401	3.58
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	22,522,926,198	22,561,488,582	(38,562,384)	(0.17)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,440,698,257	780,253,394	660,444,863	84.64
7. Chi phí tài chính	22	7,018,265,295	5,682,601,859	1,335,663,436	23.50
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	6,930,456,074	5,589,618,711	1,340,837,363	23.99
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6,516,141,700	5,720,552,362	795,589,338	13.91



10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6,625,301,288	7,070,925,577	(445,624,289)	(6.30)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3,803,916,172	4,867,662,178	(1,063,746,006)	(21.85)
12. Thu nhập khác	31		5,090,909	(5,090,909)	(100.00)
13. Chi phí khác	32	9,007	5,593,652	(5,584,645)	(99.84)
14. Lợi nhuận khác	40	(9,007)	(502,743)	493,736	(98.21)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3,803,907,165	4,867,159,435	(1,063,252,270)	(21.85)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3,803,907,165	4,867,159,435	(1,063,252,270)	(21.85)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	6,055,433,336	5,127,990,184	927,443,152	18.09
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2,251,526,171)	(260,830,749)	(1,990,695,422)	763.21
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	451	406	45	11.08
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	451	406	45	11.08

Lợi nhuận sau thuế của Quý 3 năm 2020 theo BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tăng 18.09 % so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ tăng 55,55% so với cùng kỳ năm 2019, (xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2020)
- Lợi nhuận Công ty con (Công ty TNHH thủy sản AOKI) giảm 763,21% so cùng kỳ.

Nguyên nhân lỗ của công ty con:

- Doanh thu tăng 30% tuy nhiên giá bán giảm so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 bị giảm giá bán.
- Giá nguyên liệu tăng cao, do sản lượng khai thác đánh bắt thủy sản giảm, ngư trường cạn kiệt và chính sách quản lý ngư trường của nhà nước, để gỡ thẻ vàng EU.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2020 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 3/2020	Quý 3/2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	89,128,678,416	67,002,884,539	22,125,793,877	33.02

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	1,768,316,000		1,768,316,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	87,360,362,416	67,002,884,539	20,357,477,877	30.38
4. Giá vốn hàng bán	11	85,777,895,519	62,037,336,209	23,740,559,310	38.27
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	1,582,466,897	4,965,548,330	(3,383,081,433)	(68.13)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	575,736,326	408,155,476	167,580,850	41.06
7. Chi phí tài chính	22	1,344,007,352	1,533,575,858	(189,568,506)	(12.36)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,270,811,092	1,522,510,458	(251,699,366)	(16.53)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	-
9. Chi phí bán hàng	25	3,520,134,890	2,707,704,223	812,430,667	30.00
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,889,003,344	1,664,248,033	224,755,311	13.50
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30	(4,594,942,363)	(531,824,308)	(4,063,118,055)	764.00
12. Thu nhập khác	31		5,090,909	(5,090,909)	(100.00)
13. Chi phí khác	32	9,007	5,574,252	(5,565,245)	(99.84)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(9,007)	(483,343)	474,336	(98.14)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(4,594,951,370)	(532,307,651)	(4,062,643,719)	763.21
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	(4,594,951,370)	(532,307,651)	(4,062,643,719)	763.21

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 3 năm 2020 tăng so với cùng kỳ 2019.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Nguyễn Ngọc Anh

